

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 17-9-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Hưng, bà Hoàng Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2025/QĐ-PT ngày 20/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-PT ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ly Thị K, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Bị đơn:** Anh Lâu A P, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không có lý do)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Đình T; sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, nay là: Tổ 4, phường Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Người kháng cáo anh Lâu A P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ly Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị K và anh Lầu A P chung sống với nhau từ 1999 nhưng đến ngày 24 tháng 5 năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh P đã nhiều lần sử dụng bạo lực với chị K và còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Lầu Xuân T, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lầu Duyên H, sinh ngày 13/6/2013. Nguyên vọng của chị K, chị và anh P mỗi người sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng 01 con chung đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị K khai không có.

- Về tài sản chung: Gồm các tài sản sau:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO biển kiểm soát 27C-05640 mang tên Vừ A L trị giá tại thời điểm mua 360 triệu đồng

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu THACO biển kiểm soát 27C- 04994 mang tên Lầu A P trị giá chiếc xe tại thời điểm mua là 415 triệu đồng.

+ 04 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1-86791 mang tên Lầu A P; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B2-18019 màu đỏ đen mang tên Ly Thị G; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-13182 màu đen mang tên Ly Thị K; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-48118 màu đen mang tên Lầu A P. Tổng giá trị 04 chiếc xe mô tô là 30 triệu đồng.

+ 01 thẻ ngân hàng Agribank số tài khoản là 8903205144966 mang tên Lầu A P. Tính đến ngày 24/4/2024 số tiền trong tài khoản còn là 1.588.109.468 đồng.

+ 01 chiếc máy giặt trị giá 05 triệu đồng; 01 chiếc tủ lạnh trị giá 2,5 triệu đồng; 01 máy lọc nước trị giá 02 triệu; 01 máy khâu trị giá 03 triệu đồng.

+ Nương sản của vợ chồng chưa thu hoạch giá trị sản khoảng 80 triệu đồng.

+ Các nương sản chưa thu hoạch mua của các chủ nương ở xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên gồm: Mua của bà Lò Thị K 01 nương sản trị giá 17 triệu đồng; mua của ông Lò Văn N 02 nương sản trị giá 60 triệu đồng; mua của ông Lò Văn

M 01 nương sản trị giá 25 triệu đồng; mua của ông Lò Văn U 01 nương sản trị giá 12 triệu đồng; mua của ông Lò Văn D 01 nương sản trị giá 08 triệu đồng; mua của ông Quảng Văn N 01 nương sản trị giá 20 triệu đồng.

- Về diện tích đất nương gồm:

+ 01 mảnh nương mua của ông Lò Văn S bản K, xã M, huyện Đ với giá 01 triệu đồng. Diện tích khoảng 8.000m² mua ngày 22/4/2010.

+ 01 mảnh nương diện tích khoảng 4.000m² mua ngày 22/5/2010 của ông Lường Văn T tại bản K, xã M, huyện Đ với giá 1,5 triệu đồng.

+ 01 mảnh nương mua ngày 30/7/2013 của ông Lường Văn T tại bản K, M, Điện Biên trị giá 02 triệu đồng.

+ 01 mảnh diện tích khoảng 2.800m² mua của vợ chồng ông Mùa A Nénh và bà Lầu Thị C tại bản H, M, Điện Biên với giá 15 triệu đồng.

+ 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 17/02/2020 của vợ chồng ông Cút Văn C và bà Cút Thị N tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,5 triệu đồng.

+ 01 mảnh diện tích khoảng 1.500m² mua của vợ chồng ông Lò Văn H và bà Lường Thị V tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,1 triệu đồng.

+ 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 30/8/2020 của vợ chồng ông Lường Văn T và bà Lường Thị L tại bản K, M, Điện Biên với giá 02 triệu đồng.

+ 01 mảnh diện tích khoảng 6.000m² mua ngày 17/12/2020 của vợ chồng ông Lường Văn T và bà Lường Thị S tại bản K, M, Điện Biên với giá 5,4 triệu đồng. Đất và vườn có nhà chung của vợ chồng khoảng 3.000m².

Tại bản tự khai đề ngày 05/5/2025, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lầu A P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh P công nhận việc kết hôn và quá trình chung sống như chị K trình bày. Vợ chồng đã ly thân từ 30/3/2024. Chị K xin ly hôn anh P không nhất trí ly hôn vì anh không muốn các con phải khổ và tình cảm của anh P vẫn còn. Nếu chị K muốn ly hôn thì phải làm theo nguyện vọng của anh cụ thể phải để anh được quyền nuôi hai con chung. Về tài sản anh được quyền sở hữu xe ô tô để làm ăn. Số tiền 290 triệu đồng còn lại trong tài khoản chị K sẽ được quyền sở hữu.

Về con chung: Anh P công nhận vợ chồng có 02 con chung như ý kiến của chị K. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác. Anh P không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh P khai vợ chồng có những tài sản chung và diện tích đất nương như chị K trình bày.

Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 mang tên Vừ A L, Anh P có nguyện vọng được sở hữu chiếc xe này.

Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 27C- 04994 mang tên Lầu A P. Chiếc xe này anh P đã bán cho anh Nguyễn Văn T vào ngày 31/10/2024 với giá là 300 triệu đồng.

Đối với 01 thẻ ngân hàng Agribank số tài khoản là 8903205144966 mang tên Lầu A P (tính đến ngày 24/4/2024) số tiền trong tài khoản còn là 1.588.109.468đ. Đây là tiền do vợ chồng anh cùng kinh doanh mà có. Phần công sức đóng góp của anh nhiều hơn là do anh kinh doanh và chị K cũng góp công sức. Anh ghi nhận toàn bộ số tiền trên đều là tiền chung của vợ. Khi vợ chồng ly thân anh đã dùng số tiền trên để trả nợ nhưng giấy nợ và giấy trả nợ anh không cung cấp được. Số tiền trả nợ và những người anh nợ anh không nhớ nên không cung cấp được. Hiện tại trong tài khoản chỉ còn 290 triệu đồng. Số tiền này anh nhất trí chị K sẽ được quyền sở hữu.

Toàn bộ diện tích nương và nhà ở anh P có nguyện vọng để lại cho hai con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia các tài sản sau:

- 04 chiếc xe mô tô; 01 chiếc máy giặt; 01 chiếc tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy khâu; nương sản của vợ chồng chưa thu hoạch.

- Các nương sản chưa thu hoạch mua của các chủ nương ở xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên gồm: Mua của bà Lò Thị K 01 nương sản trị giá 17 triệu đồng; mua của ông Lò Văn N 02 nương sản trị giá 60 triệu đồng; mua của ông Lò Văn M 01 nương sản trị giá 25 triệu đồng; mua của ông Lò Văn U 01 nương sản trị giá 12 triệu đồng; mua của ông Lò Văn D 01 nương sản trị giá 08 triệu đồng; mua của ông Quảng Văn N 01 nương sản trị giá 20 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua của ông Lò Văn S bản K, xã M, huyện Đ với giá 01 triệu đồng. Diện tích khoảng 8.000m² mua ngày 22/4/2010.

- 01 mảnh nương diện tích khoảng 4.000m² mua ngày 22/5/2010 của ông Lường Văn T tại bản K, xã M, huyện Đ với giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua ngày 30/7/2013 của ông Lường Văn T tại bản K, M, Điện Biên trị giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.800m² mua của vợ chồng ông Mùa A Nénh và bà Lầu Thị C tại bản H, M, Điện Biên với giá 15 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 17/02/2020 của vợ chồng ông Cút Văn C và bà Cút Thị N tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 1.500m² mua của vợ chồng ông Lò Văn H và bà Lường Thị V tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,1 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 30/8/2020 của vợ chồng ông Lương Văn T và bà Lương Thị L tại bản K, M, Điện Biên với giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 6.000m² mua ngày 17/12/2020 của vợ chồng ông Lương Văn T và bà Lương Thị S tại bản K, M, Điện Biên với giá 5,4 triệu đồng. Đất và vườn có nhà chung của vợ chồng khoảng 3.000m².

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Quyết định:

I. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227, Điều 244; Khoản 4 Điều 147; 157;158; 164; 165; 277 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 59; Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

II. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- 04 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1-86791 mang tên Lầu A P; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B2-18019 màu đỏ đen mang tên Ly Thị Gống; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-13182 màu đen mang tên Ly Thị K; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-48118 màu đen mang tên Lầu A P.

- 01 chiếc máy giặt trị giá 05 triệu đồng; 01 chiếc tủ lạnh trị giá 2,5 triệu đồng; 01 máy lọc nước trị giá 02 triệu; 01 máy khâu trị giá 03 triệu đồng.

- Nương sắn của vợ chồng chưa thu hoạch.

- Các nương sắn chưa thu hoạch mua của các chủ nương ở xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên gồm: Mua của bà Lò Thị K 01 nương sắn trị giá 17 triệu đồng; mua của ông Lò Văn N 02 nương sắn trị giá 60 triệu đồng; mua của ông Lò Văn M 01 nương sắn trị giá 25 triệu đồng; mua của ông Lò Văn U 01 nương sắn trị giá 12 triệu đồng; mua của ông Lò Văn D 01 nương sắn trị giá 08 triệu đồng; mua của ông Quảng Văn N 01 nương sắn trị giá 20 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua của ông Lò Văn S bản K, xã M, huyện Đ với giá 01 triệu đồng. Diện tích khoảng 8.000m² mua ngày 22/4/2010.

- 01 mảnh nương diện tích khoảng 4.000m² mua ngày 22/5/2010 của ông Lương Văn T tại bản K, xã M, huyện Đ với giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua ngày 30/7/2013 của ông Lương Văn T tại bản K, M, Điện Biên trị giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.800m² mua của vợ chồng ông Mùa A Nénh và bà Lầu Thị C tại bản H, M, Điện Biên với giá 15 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 17/02/2020 của vợ chồng ông Cút Văn C và bà Cút Thị N tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 1.500m² mua của vợ chồng ông Lò Văn H và bà Lường Thị V tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,1 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 30/8/2020 của vợ chồng ông Lường Văn T và bà Lường Thị L tại bản K, M, Điện Biên với giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 6.000m² mua ngày 17/12/2020 của vợ chồng ông Lường Văn T và bà Lường Thị S tại bản K, M, Điện Biên với giá 5,4 triệu đồng. Đất và vườn có nhà chung của vợ chồng khoảng 3.000m².

Chị Ly Thị K được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với các tài sản trên.

III. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị K được ly hôn anh Lầu A P

2. Về con chung: Chị Ly Thị K được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Lầu Xuân T, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lầu Duyên H sinh ngày 13/6/2013 đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lầu Duyên H mức 2.000.000 đồng/tháng thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2025, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo định kỳ theo tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản:

* Chia cho chị Ly Thị K được quyền sở hữu các tài sản sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO biển kiểm soát 27C-05640 mang tên Vừ A L (Hiện nay anh Lầu A P đang quản lý).

- Số tiền 794.054.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tư triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng). Số tiền này anh Lầu A P phải có trách nhiệm trả cho chị Ly Thị K.

* Chia cho anh Lầu A P được quyền sở hữu: Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà anh P bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 04994 và số tiền 794.054.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tư triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng) trong tài khoản của anh P tính đến ngày 24/4/2024. Toàn bộ số tiền này anh P đang quản lý.

4. Về án phí:

- Chị Ly Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Lầu A P phải chịu 44.821.620 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Chi phí tố tụng khác:

Chị Ly Thị K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.900.000 đồng. Chị K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng. Trả lại cho chị K số tiền chi phí tố tụng còn lại là 6.100.000 đồng (Chị K đã nhận theo biên bản giao nhận tiền ngày 03/6/2025).

6. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản của anh Lầu A P tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ. Số tài khoản 8903205144966; số tiền 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi anh P thực hiện xong các nghĩa vụ về tài sản đối với chị K thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị hủy bỏ.

Trả lại cho chị Ly Thị K số tiền 45.000.000 đồng chị K đã nộp vào tài khoản phong tỏa 8903205166187, chủ tài khoản Ly Thị K tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ theo Quyết định Buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số 01/2025/QĐ-BPBD ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, chứng từ giao dịch số 04263288000000294 ngày 26/4/2025 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/7/2025, anh P có đơn kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Về tố tụng: Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung: Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại một phần bản án sơ thẩm về nuôi con chung, chia tài sản và án phí, cụ thể:

Về con chung: Anh Lầu A P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Tại phiên tòa sơ thẩm cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì các cháu cho rằng không được anh P quan tâm, chăm sóc và bị hưởng đến tâm sinh lý, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm cháu Lầu Xuân T có nguyện vọng được ở với bố, cháu Lầu Duyên H có nguyện vọng được ở với mẹ. Cả anh P và chị K đều lao động, buôn bán có thu nhập và được chia tài sản như nhau, có đủ điều kiện để nuôi con. Nhưng xét nguyện vọng của hai cháu tại phiên tòa và để đảm bảo cuộc sống về vật chất, tinh thần tốt nhất cho các cháu thì cấp phúc thẩm chấp nhận ý kiến tự nguyện của các cháu.

Về tài sản chung của hai vợ chồng:

+ Đối với 01 xe ô tô, biển kiểm soát 27C-05640, trị giá 290 triệu đồng, anh Lầu A P đang sử dụng vào việc vận chuyển để kinh doanh buôn bán sắn. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị K sử dụng là hợp lý vì khi ly thân gia đình có 02 chiếc xe ô tô, anh P tự bán 01 chiếc xe thu được 300 triệu đồng, anh được quản lý sử dụng số tiền này, nên cấp phúc thẩm không thể giao chiếc xe biển kiểm soát 27C-05640 cho anh quản lý sử dụng được nữa. Anh P có thể thỏa thuận với chị K để lấy xe và trả tiền cho chị K.

+ Đối với số tiền trong tài khoản 8903205144966 đứng tên anh P, Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi là đúng quy định vì anh P không chứng minh được số tiền anh rút ra và chuyển khoản là để chi tiêu và trả nợ chung cho gia đình nên không có cơ sở xem xét lại. (Ngoài ra tại cấp phúc thẩm anh P có các giấy vay, trả nợ nhưng các tài liệu này chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Nên để đảm bảo quyền của mình thì anh P có thể khởi kiện bằng một vụ án khác)

- Về án phí và chi phí tố tụng: Anh P là người là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng giai đoạn sơ thẩm anh không có đơn xin miễn án phí nên không được Tòa án sơ thẩm áp dụng. Sau đó anh P kháng cáo và có đơn đề nghị được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên: Đề xuất chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là toàn án khu vực 2): Về con chung là giao cháu Thành cho anh P, giao cháu Hải cho chị Duyên trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động, chị K không yêu cầu cấp dưỡng; Về án phí là miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lầu A P và miễn án phí đối với nội dung kháng cáo không được chấp nhận, đồng thời anh P không phải chịu án phí phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về con chung và án phí được chấp nhận.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết

Ngày 24/4/2024, chị Ly Thị K nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung với anh Lầu A P. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nơi cư trú của bị đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục kháng cáo

Ngày 17/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tuyên bản án sơ thẩm, ngày 08/7/2025, bị đơn kháng cáo và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về nội dung kháng cáo

Bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo hướng:

Đề nghị cấp phúc thẩm giao 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án giao xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 cho anh P. Đối với số tiền trong tài khoản tài khoản là 1.588.109.468 đồng anh P đề nghị xem xét lại và khấu trừ các khoản nợ thực tế phát sinh trong thời kỳ hôn nhân trước khi chia tài sản. Anh P đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho anh vì anh là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế khó khăn.

[4]. Xét nội dung kháng cáo

[4.1]. Kháng cáo về việc nuôi dưỡng con chung:

Chị K và anh P có 02 con chung là cháu Lầu Xuân T, sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lầu Duyên H, sinh ngày 13/6/2013. Trên cơ sở nguyện vọng của hai cháu Tòa án cấp sơ thẩm giao 2 con cho chị K nuôi dưỡng, anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu Lầu Duyên H với mức 2.000.000 đồng/01 tháng thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2025 đến khi cháu Hải thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh P kháng cáo xin được nuôi dưỡng 2 con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm cháu Lầu Xuân T có nguyện được ở với anh P, cháu Lầu Duyên H có nguyện được ở với chị K, chị K đồng ý thay đổi việc nuôi con theo nguyện vọng của các con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Lầu Duyên H. Xét thấy việc thay đổi

người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con tại cấp phúc thẩm phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đảm bảo quyền được nuôi dưỡng con của anh P và chị K vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này, sửa phần bản án sơ thẩm về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. Kháng cáo về việc chia tài sản chung

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 Tòa án cấp sơ thẩm giao xe cho chị K là không hợp lý anh P đề nghị Tòa án giao lại cho anh P chiếc xe này. Trong thời kỳ hôn nhân cả chị K và anh P đều thừa nhận vợ chồng có 02 xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 và xe ô tô biển kiểm soát 27C- 04994. Xe ô tô biển kiểm soát 27C- 04994. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh P đã tự ý bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Văn T, địa chỉ bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với giá 300 triệu đồng được thể hiện tại hợp đồng mua bán xe giữa anh P và anh T cùng biên bản xác minh (BL 193; 194; 197). Chị K đề nghị Tòa án chia số tiền 300 triệu đồng bán xe cho anh P và chia cho chị K được sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 trị giá 290 triệu đồng, anh P cho rằng xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 là phương tiện phục vụ cho việc kinh doanh buôn bán sản, cấp sơ thẩm giao xe cho chị K là không hợp lý vì chị K không tham gia hoạt động kinh doanh, không có nhu cầu thực tế sử dụng xe. Tuy nhiên ngoài chiếc xe này chị K và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung nào khác để khấu trừ giá trị trong trường hợp giao chiếc xe này cho anh P, mặt khác trong thời kỳ hôn nhân anh P đã tự ý bán xe ô tô biển kiểm soát 27C- 04994 cho anh Nguyễn Văn T với giá 300 triệu đồng, số tiền bán xe anh P đã quản lý và sử dụng. Anh P cho rằng do không còn vốn anh P phải bán xe là để tiếp tục kinh doanh nhưng ngoài lời khai anh P không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời khai của mình là có căn cứ, vì vậy Tòa án sơ thẩm chia cho chị K sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 27C-05640 là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về tài sản cho chị K theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 do vậy không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh P.

Đối với số tiền 1.588.109.468 đồng: Tại cấp sơ thẩm cả chị K và anh P đều thừa nhận số tiền: 1.588.109.468 đồng trong tài khoản 8903205144966 tại ngân hàng Agribank là tài sản chung của vợ chồng (BL 233-234; 228a-228b). Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án giải quyết chỉ còn 219 triệu đồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh P đã tự ý sử dụng số tiền trong tài khoản để tiêu dùng cho cá nhân vì vậy cấp sơ thẩm đã chia cho chị K và anh P mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền 1.588.109.468 đồng = 794.054.000 đồng. Số tiền này, anh P phải có trách nhiệm thanh toán cho chị K là có căn cứ và đúng pháp luật đảm bảo quyền lợi cho chị K theo Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh P cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét các khoản nợ của vợ chồng đã vay để kinh doanh và sử dụng chi tiêu chung cho gia đình. Sau khi trả nợ và chi tiêu cho gia đình, không còn vốn anh P phải bán xe ô tô biển kiểm soát 27C-04994 để tiếp tục kinh doanh. Ngày 25/4/2025, tài khoản 8903205144966 của anh P tại ngân hàng Agribank đã bị Tòa án phong tỏa với số dư trong tài khoản là: 219 triệu đồng. Tại cấp phúc thẩm anh P xuất trình một số hợp đồng vay tiền,

hóa đơn mua bán phụ tùng xe ô tô đã được anh P thanh toán. Anh P đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại và khấu trừ các khoản nợ thực tế phát sinh trong thời kỳ hôn nhân trước khi chia tài sản. Người đại diện theo ủy quyền của anh P đề nghị cấp phúc thẩm hủy phần chia tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm để xem xét giải quyết lại. Hội đồng xét xử nhận thấy các khoản nợ chung và các tài liệu, chứng cứ về các khoản nợ chung không được anh P trình bày, cung cấp và yêu cầu cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết, đây là các tài liệu, chứng cứ mới do vậy không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của anh P và yêu cầu hủy phần chia tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm để xem xét giải quyết lại của người đại diện theo ủy quyền của anh P. Đối với yêu cầu giải quyết các khoản nợ chung anh P có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4.3]. Kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng và buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu Lầu Duyên H với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hải thành niên và có khả năng lao động nên anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tài sản chung anh P được Tòa án sơ thẩm chia cho số tiền Số tiền 300.000.000 đồng giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 04994 và số tiền 794.054.000 đồng trong tài khoản của anh P tính đến ngày 24/4/2024. Tổng số tiền anh P được chia là: 300.000.000 đồng + 794.054.000 đồng = 1.094.054.000 đồng nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh P phải chịu là: 44.821.620 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh P là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do anh P không viết đơn xin miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 nên Tòa án sơ thẩm không miễn cho anh là có căn cứ tại cấp phúc thẩm anh P có đơn xin miễn các khoản án phí này căn cứ Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4.4]. Từ các phân tích tại các mục [4.1], [4.2], [4.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện viện kiểm sát chấp nhận một phần kháng cáo của anh P, sửa một phần bản án Bản án hôn nhân và gia đình

sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên về việc nuôi dưỡng con chung, về án phí, không chấp nhận một phần kháng cáo của anh P giữ nguyên phần bản án về việc chia tài sản chung.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh P là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế khó khăn có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh P được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lầu A giữ nguyên một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- 04 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1-86791 mang tên Lầu A P; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B2-18019 màu đỏ đen mang tên Ly Thị Góng; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-13182 màu đen mang tên Ly Thị K; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-48118 màu đen mang tên Lầu A P.

- 01 chiếc máy giặt trị giá 05 triệu đồng; 01 chiếc tủ lạnh trị giá 2,5 triệu đồng; 01 máy lọc nước trị giá 02 triệu; 01 máy khâu trị giá 03 triệu đồng.

- Nương sản của vợ chồng chưa thu hoạch

- Các nương sản chưa thu hoạch mua của các chủ nương ở xã P, huyện Đ Đông, tỉnh Điện Biên gồm: Mua của bà Lò Thị K 01 nương sản trị giá 17 triệu đồng; mua của ông Lò Văn N 02 nương sản trị giá 60 triệu đồng; mua của ông Lò Văn M 01 nương sản trị giá 25 triệu đồng; mua của ông Lò Văn U 01 nương sản trị giá 12 triệu đồng; mua của ông Lò Văn D 01 nương sản trị giá 08 triệu đồng; mua của ông Quảng Văn N 01 nương sản trị giá 20 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua của ông Lò Văn S bản K, xã M, huyện Đ với giá 01 triệu đồng. Diện tích khoảng 8.000m² mua ngày 22/4/2010.

- 01 mảnh nương diện tích khoảng 4.000m² mua ngày 22/5/2010 của ông Luông Văn T tại bản K, xã M, huyện Đ với giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh nương mua ngày 30/7/2013 của ông Lương Văn T tại bản K, M, Điện Biên trị giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.800m² mua của vợ chồng ông Mùa A Nénh và bà Lầu Thị C tại bản H, M, Điện Biên với giá 15 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 17/02/2020 của vợ chồng ông Cút Văn C và bà Cút Thị N tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,5 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 1.500m² mua của vợ chồng ông Lò Văn H và bà Lương Thị V tại bản K, M, Điện Biên trị giá 1,1 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 2.000m² mua ngày 30/8/2020 của vợ chồng ông Lương Văn T và bà Lương Thị L tại bản K, M, Điện Biên với giá 02 triệu đồng.

- 01 mảnh diện tích khoảng 6.000m² mua ngày 17/12/2020 của vợ chồng ông Lương Văn T và bà Lương Thị S tại bản K, M, Điện Biên với giá 5,4 triệu đồng. Đất và vườn có nhà chung của vợ chồng khoảng 3.000m².

Chị Ly Thị K được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với các tài sản trên.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị K được ly hôn anh Lầu A P

3. Về tài sản:

3.1. Chia cho chị Ly Thị K được quyền sở hữu các tài sản sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO biển kiểm soát 27C-05640 mang tên Vừ A L (Hiện nay anh Lầu A P đang quản lý).

- Số tiền 794.054.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tư triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng). Số tiền này anh Lầu A P phải có trách nhiệm trả cho chị Ly Thị K.

3.2. Chia cho anh Lầu A P được quyền sở hữu: Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà anh P bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27C - 04994 và số tiền 794.054.000 đồng (Bảy trăm chín mươi tư triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng) trong tài khoản của anh P tính đến ngày 24/4/2024. Toàn bộ số tiền này anh P đang quản lý.

4. Về án phí và chi phí tố tụng

- Chị Ly Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Chị Ly Thị K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.900.000 đồng. Chị K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng. Trả lại cho chị K số tiền chi phí tố tụng còn lại là 6.100.000 đồng (Chị K đã nhận theo biên bản giao nhận tiền ngày 03/6/2025).

5. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện

Biên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản của anh Lầu A P tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ. Số tài khoản 8903205144966; số tiền 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi anh P thực hiện xong các nghĩa vụ về tài sản đối với chị K thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị hủy bỏ.

- Trả lại cho chị Ly Thị K số tiền 45.000.000 đồng chị K đã nộp vào tài khoản phong tỏa 8903205166187, chủ tài khoản Ly Thị K tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ theo Quyết định Buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số 01/2025/QĐ-BPBD ngày 26/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, chứng từ giao dịch số 04263288000000294 ngày 26/4/2025 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

II. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lầu A P sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Về con chung: Anh Lầu A P được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lầu Xuân T, sinh ngày 11/5/2010 cho đến khi cháu Thành thành niên và có khả năng lao động. Chị Ly Thị K được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lầu Duyên H sinh ngày 13/6/2013 cho đến khi cháu Hải thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con anh P và chị K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí:

Anh P được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2025/HNGĐ-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/9/2025).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND khu vực 2 - Điện Biên;
- Phòng THA khu vực 2 - Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Hưng

Hoàng Thị Hòa

Đỗ Thu Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND khu vực 2 - Điện Biên;
- Phòng THA khu vực 2 - Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

Đỗ Thu Hương